

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2023/HSPT

Ngày: 16-02-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thương Huyền

Các Thẩm phán:

Ông Hồ Đức Q

Bà Trịnh Thị Thiện

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị L Giang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Quỳnh Lê - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 02 N 2023, tại Hội trường Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh mở phiên tòa phúc thẩm công khai xét xử vụ án hình sự thụ lý số 136/2022/HSPT ngày 24 tháng 10 N 2022 đối với bị cáo Nguyễn Văn L, Ma Văn N, Đoàn Xuân H, Nguyễn Văn P và Lưu Văn V. Do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 35/2022/HSST ngày 15/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Cẩm X, tỉnh Hà Tĩnh.

***Các bị cáo kháng cáo:**

1. Nguyễn Văn L; Sinh ngày 02/02/1991; Nơi đăng ký HKTT: thôn 6, xã Cẩm Q, huyện Cẩm X, tỉnh Hà Tĩnh. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Trình độ văn hoá: Lớp 09/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Nguyễn Thanh M (Đã chết); Con bà: Nguyễn Thị K, Sinh N 1952; Nghề nghiệp: Làm ruộng, hiện đang sinh sống tại thôn 6, xã Cẩm Q, huyện Cẩm X, tỉnh Hà Tĩnh; Anh chị em ruột: có 07 người, bị cáo là con thứ 06; Vợ, con: Chưa có; Tiền án: Bị cáo có 01 tiền án vào ngày 09/7/2021 bị Tòa án nhân dân huyện Cẩm X, tỉnh Hà Tĩnh xử phạt 07 (Bảy) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 14 (Mười bốn) tháng về tội “Tàng trữ hàng cấm” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 191 của Bộ luật hình sự, tại Bản án số 43/2021/HSST. Bị cáo chưa chấp hành xong thời gian thử thách của án treo; Tiền sự: Không; Biện pháp ngăn chặn: Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 31/01/2022 đến ngày 09/02/2022 bị khởi tố và chuyển tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Tĩnh cho đến nay, *có mặt tại phiên tòa.*

2. Ma Văn N; Sinh ngày 05/6/1987; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Tổ dân phố T Bài, phường Quảng T, thị xã Ba Đ, tỉnh Quảng B; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hoá: Lớp 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Chức vụ, đảng phái: Quân chúng; Con ông: Ma Văn T; Sinh N 1940; Con bà: Đinh Thị H; Sinh N 1939; Bố và mẹ đã hết tuổi lao động, đang sinh sống tại tổ dân phố T Bài, phường Quảng T, thị xã Ba Đ, tỉnh Quảng B; Anh chị em ruột: có 05 người, bị cáo là con thứ 05; Vợ: Ngô Thị H, Sinh N: 1996; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Con: có 02 đứa, đứa lớn sinh N 2016, đứa bé sinh N 2020, hiện đang trú tại tổ dân phố T Bài, phường Quảng T, thị xã Ba Đ, tỉnh Quảng B; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 20/3/2017 bị Ủy ban nhân dân thị xã Ba Đ, tỉnh Quảng B ban hành Quyết định xử phạt hành chính số 797/QĐ-UBND về hành vi “Sử dụng giấy kiểm dịch thủy sản giả”, bằng hình thức phạt tiền 10.000.000(*Mười triệu đồng*). Đã thi hành xong ngày 27/3/2017. Biện pháp ngăn chặn: Bị cáo bị khởi tố, bắt tạm giam từ ngày 31/3/2022 tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Tĩnh cho đến nay, *có mặt tại phiên tòa*.

3. **Đoàn Xuân H**; Sinh ngày: 10/03/1993; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: thôn Phan Chu Trinh, Xã Cẩm D, huyện Cẩm X, tỉnh Hà Tĩnh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 12/12. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Đoàn Xuân L; Sinh N: 1952; Nghề nghiệp: Hưu trí. Con bà: Lưu Thị H Sinh N: 1955; Nghề nghiệp: Làm ruộng; bố và mẹ hiện đang trú tại thôn P, xã Cẩm D, huyện Cẩm X, tỉnh Hà Tĩnh; Anh chị em ruột có: 05 người, bị cáo là con thứ 5. Vợ, con: Chưa có. Tiền án, tiền sự: Không. Biện pháp ngăn chặn: Bị cáo bị bắt, bị tạm giữ từ ngày 31/01/2022 đến ngày 09/02/2022 bị khởi tố và áp dụng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú” cho đến nay, *có mặt tại phiên tòa*.

4. **Nguyễn Văn P** Sinh ngày 15/10/1994; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: thôn 9, xã Cẩm Q, huyện Cẩm X, tỉnh Hà Tĩnh. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 12/12. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Con ông: Nguyễn Văn T, Sinh N: 1967 (đã chết). Con bà: Nguyễn Thị L; Sinh N: 1971; Nghề nghiệp: Lao động tự do, mẹ hiện đang trú tại thôn 9, xã Cẩm Q, huyện Cẩm X, tỉnh Hà Tĩnh; Anh chị em ruột có: 03 người, bị cáo là con thứ 02. Vợ, con: Chưa có. Tiền án, tiền sự: Không. Biện pháp ngăn chặn: Bị cáo bị tạm giữ kể từ ngày 31/01/2022 đến ngày 09/02/2022 bị khởi tố và áp dụng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú” cho đến nay, *có mặt tại phiên tòa*.

5. **Lưu Văn V**; Sinh ngày 12/10/1998; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: thôn Phan Chu Trinh, xã Cẩm D, huyện Cẩm X, tỉnh Hà Tĩnh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 9/12. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Chức vụ, đảng phái: quân chúng. Con ông: Lưu Văn M; Sinh N: 1956; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Con bà: Lê Thị H; Sinh N: 1964; Nghề nghiệp: Làm ruộng, bố mẹ hiện nay đang trú tại xã Cẩm D, huyện Cẩm X, tỉnh Hà Tĩnh. Anh chị em ruột: có 06 người, bị cáo là con thứ 06. Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Ngày 10/6/2020 bị Công an huyện Cẩm X, tỉnh Hà Tĩnh ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 458/QĐ-XPHC, về hành vi “Cố ý gây thương tích”, bằng hình thức phạt tiền 750.000 đồng (*Bảy trăm N mươi nghìn đồng*). Đã thi hành xong ngày 12/6/2020. Biện pháp ngăn

chặn: Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” kể từ ngày 14/4/2022, có mặt tại phiên tòa.

Trong vụ án này còn có một số bị cáo; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan khác nhưng không liên quan đến nội dung kháng cáo của các bị cáo nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào hồi 07 giờ 30 phút ngày 31/01/2022, tại địa phận tổ dân phố 13, thị trấn Cẩm X, huyện Cẩm X, tỉnh Hà Tĩnh, Tổ tuần tra Công an huyện Cẩm X, tỉnh Hà Tĩnh phát hiện và bắt quả tang Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn P, Đoàn Xuân H thuê xe ô tô biển kiểm soát 38A-058.02 do anh Hoàng Văn V điều khiển chở 80 (tám mươi) khối hộp giấy hình chữ nhật, kích thước mỗi khối hộp 12,2x14,3x14,3 cm, bên ngoài vỏ bọc giấy in chữ nước ngoài, bên trong mỗi hộp chứa 36 khối trụ tròn và 12 (Mười hai) khối hộp giấy hình chữ nhật, kích thước mỗi khối hộp 16,5x16,5x10 cm, bên ngoài vỏ bọc giấy in chữ, bên trong mỗi hộp chứa 49 khối trụ tròn. Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn P, Đoàn Xuân H đều khai nhận 92 (Chín mươi hai) khối hộp nói trên là pháo nổ do nước ngoài sản xuất, do L, P và H mua về nhằm mục đích bán lại để kiếm lời.

Quá trình điều tra xác định: Tháng 11/2021, thông qua mạng xã hội Facebook, Nguyễn Văn L và Ma Văn N quen biết nhau, N tự xưng tên là N, người ở tỉnh Q và trao đổi số điện thoại với L để liên hệ. Đến cuối N âm lịch 2021, một số đối tượng liên hệ với Nguyễn Văn L để đặt mua pháo về sử dụng nên L nảy sinh ý định mua pháo về để bán lại cho người khác kiếm lời. Cùng lúc này, Đoàn Xuân H và Nguyễn Văn P liên hệ qua điện thoại với Nguyễn Văn L hỏi đặt mua pháo về bán cho người khác kiếm lời, L đồng ý và cho H số điện thoại của Ma Văn N để H trực tiếp liên hệ đặt mua pháo. Đồng thời, Nguyễn Văn L sử dụng tài khoản Facebook “Nguyễn Văn L” và các số điện thoại 0392.011.518; 0986.905.987 liên hệ qua tài khoản facebook “Ma Nam”, tài khoản zalo mang tên “Cột Cột” và số điện thoại 0862.325.179 của Ma Văn N để đặt mua pháo, N hẹn L vào tỉnh Quảng Trị để lấy pháo. Ngày 29/01/2022 (tức ngày 27/12/2021 âm lịch) L một mình đi xe khách vào tỉnh Quảng Trị, gặp N để mua pháo. Để có pháo bán cho L, Ma Văn N liên hệ với người phụ nữ N khai tên D, người ở tỉnh Q đặt mua pháo nhưng thời điểm này N chưa lấy được pháo, nên L đi về Hà Tĩnh. Đến chiều ngày 30/01/2022, đối tượng D liên hệ báo cho Ma Văn N là đã có pháo, với giá 587.500 đồng/hộp/36 quả, 1.250.000đồng/hộp/49 quả. Ma Văn N gọi điện thoại báo cho Nguyễn Văn L, L thông báo lại cho H và P. H liên hệ với N để mua pháo nhưng N trả lời việc mua bán thông qua L. L và N thống nhất loại pháo 36 quả/hộp là 750.000 đồng/hộp; loại 49 quả là 1.250.000 đồng/hộp. Đoàn Xuân H thông qua Nguyễn Văn L đặt mua 20 hộp loại 36 quả/hộp và 12 hộp loại 49 quả/hộp với tổng số tiền 30.000.000 đồng. Vào lúc 19 giờ 13 phút ngày 30/01/2022, H chuyển cho Nguyễn Văn L số tiền 26.000.000 đồng từ tài khoản Techcombank 19033520878013 mang tên Đoàn Xuân H đến tài khoản Vietcombank

1016379742 mang tên Nguyễn Văn L, còn 4.000.000 đồng, H chưa thanh toán cho L. Nguyễn Văn P nhờ L đặt mua 30 hộp, loại 36 quả/hộp với tổng số tiền 22.500.000 đồng, L đồng ý. Vào lúc 18 giờ 45 phút 31 giây ngày 30/01/2022 Nguyễn Văn P chuyển số tiền 22.000.000 đồng từ tài khoản của mình đến tài khoản Vietcombank 1016379742 của Nguyễn Văn L. Sau khi thống nhất số lượng, L gọi điện thoại báo cho Ma Văn N thống nhất đặt mua 80 hộp, loại 36 quả/hộp (trong đó của Nguyễn Văn L 30 hộp) và 12 hộp loại 49 quả/hộp, với tổng số tiền 75.000.000 đồng, N đồng ý và thống nhất bớt cho L 2.500.000 đồng. Vào lúc 20 giờ 01 phút 47 giây ngày 30/01/2022 Nguyễn Văn L chuyển số tiền 72.500.000 đồng từ tài khoản Vietcombank 1016379742 mang tên Nguyễn Văn L đến số tài khoản Vietcombank 0311000733226 mang tên Ma Văn N. Ma Văn N liên hệ với đối tượng tên là D đặt mua 80 hộp, loại 36 quả/hộp và 12 hộp loại 49 quả/hộp, với tổng số tiền 62.000.000 đồng. Vào hồi 17 giờ 18 phút 28 giây và hồi 21 giờ 31 phút 16 giây ngày 30/01/2022, Ma Văn N lần lượt chuyển khoản số tiền 12.000.000 đồng và 50.000.000 đồng từ tài khoản Vietcombank 0311000733226 của N đến số tài khoản 040104683535 mang tên Do Thi Dan. Sau khi nhận đủ tiền, D và Ma Văn N thống nhất địa điểm giao nhận pháo tại ngã tư Sông, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị. Ma Văn N đến một cơ sở cho thuê xe dịch vụ ở thị xã Ba Đ, tỉnh Quảng B, thuê một chiếc xe ô tô (không nhớ biển kiểm soát) màu đỏ, chở một người N khai tên B, ở Q, thị xã Ba Đ, tỉnh Quảng B đi vào thành phố Đông Hà. Khi vào đến địa điểm nói trên, N thấy 03 người đàn ông đi 03 chiếc xe mô tô, bịt khẩu trang chở các thùng bọc túi ni lông màu đen, N bốc các thùng bỏ vào trong xe ô tô để đi giao cho Nguyễn Văn L. Sau khi nhận được pháo, Ma Văn N liên hệ với Nguyễn Văn L hẹn địa điểm giao nhận pháo tại khu vực trạm thu phí thuộc tỉnh Quảng B. Khoảng 00 giờ ngày 31/01/2022, Đoàn Xuân H, Nguyễn Văn L và Nguyễn Văn P gặp nhau tại nhà của H. Sau khi thống nhất, H liên hệ và thuê anh Hoàng Văn Vũ chở đi nhận pháo. Khi thuê anh Vũ, H nói dối là chở vào xã K, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh để lấy đồ cho anh trai nên anh V không biết H thuê xe để đi chở pháo. Khoảng 01 giờ cùng ngày, anh V điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 38A-058.02 đến nhà chở H, L và P đi vào thị xã K như đã hợp đồng. Khi vào đến địa phận xã Kỳ Nam, thị xã Kỳ Anh, L bảo anh Vũ điều khiển xe đi vào khu vực trạm thu phí tỉnh Quảng B đứng chờ. Đến khoảng 05 giờ cùng ngày, Ma Văn N chở pháo đi đến điểm hẹn, N, B, P, L và H cùng nhau xuống bốc toàn bộ số pháo trên xe ô tô của N đưa sang xe ô tô của anh Vũ. Sau khi giao nhận pháo xong, anh Vũ điều khiển xe chở L, P, H và pháo đi về. Đến 07 giờ 30 phút cùng ngày, khi về đến địa phận tổ dân phố 13, thị trấn Cẩm X, huyện Cẩm X, tỉnh Hà Tĩnh thì bị Công an huyện Cẩm X phát hiện, bắt quả tang và thu giữ tang vật vụ án.

Tại bản kết luận giám định số 106/GDP-PC09 ngày 07/02/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Tĩnh kết luận:

- 15 (Mười lăm) khối hộp hình lập P, kích thước mỗi hộp (14,3x14,3x12,2cm) bên ngoài bọc giấy có hoa văn nhiều màu sắc, một số ký tự chữ nước ngoài, bên trong mỗi khối hộp có 36 vật hình trụ bọc giấy liên kết với nhau (Ký hiệu T1) gửi giám định là Pháo có đầy đủ đặc tính của pháo nổ (có

chứa thuốc pháo và khi bị kích thích hoặc đốt có gây tiếng nổ), có khối lượng là 20,5 kg (*Hai mươi phẩy N kilôgam*).

- 24 (Hai mươi bốn) khối hộp hình lập P, kích thước mỗi hộp (14,3x14,3x12,2cm) bên ngoài bọc giấy có hoa văn nhiều màu sắc, một số ký tự chữ nước ngoài, bên trong mỗi khối hộp có 36 vật hình trụ bọc giấy liên kết với nhau (Ký hiệu T2) gửi giám định là Pháo có đầy đủ đặc tính của pháo nổ (có chứa thuốc pháo và khi bị kích thích hoặc đốt có gây tiếng nổ), có khối lượng là 33 kg (*Ba mươi ba kilôgam*).

- 16 (Mười sáu) khối hộp hình lập P, kích thước mỗi hộp (14,3x14,3x12,2cm) bên ngoài bọc giấy có hoa văn nhiều màu sắc, một số ký tự chữ nước ngoài, bên trong mỗi khối hộp có 36 vật hình trụ bọc giấy liên kết với nhau (Ký hiệu T3) gửi giám định là Pháo có đầy đủ đặc tính của pháo nổ (có chứa thuốc pháo và khi bị kích thích hoặc đốt có gây tiếng nổ), có khối lượng là 22 kg (*Hai mươi hai kilôgam*).

- 16 (Mười sáu) khối hộp hình lập P, kích thước mỗi hộp (14,3x14,3x12,2cm) bên ngoài bọc giấy có hoa văn nhiều màu sắc, một số ký tự chữ nước ngoài, bên trong mỗi khối hộp có 36 vật hình trụ bọc giấy liên kết với nhau (Ký hiệu T1) gửi giám định là Pháo có đầy đủ đặc tính của pháo nổ (có chứa thuốc pháo và khi bị kích thích hoặc đốt có gây tiếng nổ), có khối lượng là 21,8 kg (*Hai mươi phẩy tám kilôgam*).

- 09(Chín) khối hộp hình lập P, kích thước mỗi hộp (14,3x14,3x12,2cm) bên ngoài bọc giấy có hoa văn nhiều màu sắc, một số ký tự chữ nước ngoài, bên trong mỗi khối hộp có 36 vật hình trụ bọc giấy liên kết với nhau (Ký hiệu T1) gửi giám định là Pháo có đầy đủ đặc tính của pháo nổ (có chứa thuốc pháo và khi bị kích thích hoặc đốt có gây tiếng nổ), có khối lượng là 12,2 kg (*Mười hai phẩy hai kilôgam*).

- 12 (Mười hai) khối hộp hình lập P, kích thước mỗi hộp (16,5x16,5x10cm) bên ngoài bọc giấy có hoa văn nhiều màu sắc, một số ký tự chữ nước ngoài, bên trong mỗi khối hộp có 49 vật hình trụ bọc giấy liên kết với nhau (Ký hiệu T6) gửi giám định là Pháo có đầy đủ đặc tính của pháo nổ (có chứa thuốc pháo và khi bị kích thích hoặc đốt có gây tiếng nổ), có khối lượng là 21,5 kg (*Hai mươi một phẩy N kilôgam*).

Tổng khối lượng 92 (Chín mươi hai) khối hộp giấy bên ngoài có hoa văn nhiều màu sắc và chữ nước ngoài. Trong đó có 80 (Tám mươi) khối hộp, bên trong mỗi khối hộp có 36 vật hình trụ có bọc giấy liên kết với nhau và 12 (Mười hai) khối hộp bên trong mỗi khối hộp có 49 vật hình trụ có bọc giấy liên kết với nhau gửi đến giám định là pháo hoa nổ do nước ngoài sản xuất có tổng khối lượng 131 kg (*Một trăm ba mươi một ki lô gam*). Như vậy, tổng khối lượng pháo mà Ma Văn N và Nguyễn Văn L đã mua để bán lại cho người khác là 131kg (*Một trăm ba mươi một ki lô gam*).

Tại Bản án sơ thẩm số 35/2022/HSST ngày 15-9-2022 của Tòa án nhân dân huyện Cẩm X, tỉnh Hà Tĩnh đã tuyên xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn L, Ma Văn N về tội “Buôn bán hàng cấm” quy định tại điểm c khoản 3 Điều 190 Bộ luật Hình sự; Nguyễn Văn P, Đoàn Xuân H về tội “Buôn bán hàng cấm” quy định tại điểm g khoản 2 Điều 190 Bộ luật Hình sự; Lưu Văn V, Dương Văn Anh H; Nguyễn Đăng V, về tội “Tàng trữ hàng cấm” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 191 Bộ luật Hình sự;

2. Về điều luật và hình phạt:

- Áp dụng điểm c Khoản 3 điều 190; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 BLHS N 2015: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L 8 N 2 tháng tù về tội “Buôn bán hàng cấm”; Áp dụng khoản 2 điều 56 BLHS tổng hợp hình phạt 7 tháng tù cho hưởng án treo về tội “Tàng trữ hàng cấm” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 191 của Bộ luật hình sự, tại Bản án số 43/2021/HSST ngày 09/7/2021 buộc bị cáo L phải chấp hành là 8 N 9 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ tạm giam 31/1/2022. Áp dụng khoản 2 Điều 35 và khoản 4 Điều 190 Bộ luật hình sự phạt bổ sung Nguyễn Văn L số tiền 30.000.000 (ba mươi triệu đồng).

- Áp dụng điểm c Khoản 3 điều 190; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự BLHS N 2015, sửa đổi N 2017: Xử phạt bị cáo Ma Văn N 6 N tù về tội “Buôn bán hàng cấm”; Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ tạm giam 31/3/2022. Áp dụng khoản 2 Điều 35 và khoản 4 Điều 190 Bộ luật hình sự phạt bổ sung Ma Văn N số tiền 30.000.000 (ba mươi triệu đồng).

- Áp dụng điểm g Khoản 2 điều 190; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 BLHS N 2015: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn P 05 N tù về tội “Buôn bán hàng cấm”; Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án. Bị cáo được trừ thời gian đã bị tạm giữ từ ngày 31/01/2022 đến ngày 09/02/2022 vào thời gian thi hành án. Áp dụng khoản 2 Điều 35 và khoản 4 Điều 190 Bộ luật hình sự phạt bổ sung Nguyễn Văn P số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu đồng).

- Áp dụng điểm g Khoản 2 Điều 190 Bộ luật Hình sự; điểm s, t khoản 1 Điều 51, điều 54; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự N 2015: Xử phạt bị cáo Đoàn Xuân H 42 tháng tù về tội “Buôn bán hàng cấm”, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án. Bị cáo được trừ thời gian đã bị tạm giữ từ ngày 31/01/2022 đến ngày 09/02/2022 vào thời gian thi hành án Áp dụng khoản 2 Điều 35 và khoản 4 Điều 190 Bộ luật hình sự phạt bổ sung Đoàn Xuân H số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu đồng)

- Áp dụng điểm c Khoản 1 Điều 191 Bộ luật Hình sự điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự N 2015: Xử phạt bị cáo Lưu Văn V 09 tháng tù về tội “Tàng trữ hàng cấm”, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án. Áp dụng khoản 2 Điều 35 và khoản 4 Điều 191 Bộ luật hình sự phạt bổ sung Lưu Văn V số tiền 10.000.000 (mười triệu đồng).

- Áp dụng điểm c Khoản 1 Điều 191 Bộ luật Hình sự điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự N 2015: Xử phạt bị cáo

Dương Văn Anh H 07 tháng tù cho hưởng án treo về tội “Tàng trữ hàng cấm”; Thời gian thử thách 14 tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 15/9/2022. Giao bị cáo Dương Văn Anh H cho chính quyền địa P xã Cẩm D, huyện Cẩm X, tỉnh Hà Tĩnh giám sát giáo dục; gia đình có trách nhiệm phối hợp UBND xã Cẩm D giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Áp dụng khoản 2 Điều 35 và khoản 4 Điều 191 Bộ luật hình sự phạt bổ sung Dương Văn Anh H số tiền 10.000.000 (mười triệu đồng).

- Áp dụng điểm c Khoản 1 Điều 191 Bộ luật Hình sự điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự N 2015: Xử phạt bị cáo Nguyễn Đăng V 06 tháng tù cho hưởng án treo về tội “Tàng trữ hàng cấm”; Thời gian thử thách 12 tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 15/9/2022. Giao bị cáo Nguyễn Đăng V cho chính quyền địa P xã Cẩm D, huyện Cẩm X, tỉnh Hà Tĩnh giám sát giáo dục; gia đình có trách nhiệm phối hợp UBND xã Cẩm D giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Áp dụng khoản 2 Điều 35 và khoản 4 Điều 191 Bộ luật hình sự phạt bổ sung Nguyễn Đăng V số tiền 10.000.000 (mười triệu đồng).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp, án phí và quyền kháng cáo của những người tham gia tố tụng.

Ngày 29/9/2022, bị cáo Nguyễn Văn L kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 27/9/2022, bị cáo Ma Văn N kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 22/9/2022 , bị cáo Nguyễn Văn P kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo

Ngày 29/9/2022, bị cáo Đoàn Xuân H kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo

Ngày 27/9/2022 , bị cáo Lưu Văn V kháng cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh sau khi phân tích, đánh giá các tình tiết của vụ án đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 355, điểm c, e khoản 1 Điều 357 BLTTHS không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn L và Đoàn Xuân H, chấp nhận kháng cáo của bị cáo Ma Văn N và Nguyễn Văn P, chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Lưu Văn V. Sửa bản án sơ thẩm về phần hình phạt chính.

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn L, Ma Văn N, Đoàn Xuân H và Nguyễn Văn P phạm tội “Buôn bán hàng cấm”, bị cáo Lưu Văn V phạm tội “Tàng trữ hàng cấm”.

Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 190; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L 08 N 02 tháng tù.

Áp dụng khoản 2 Điều 56 Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt 07 tháng tù cho hưởng án treo về tội Tàng trữ hàng cấm tại Bản án số 43/2021/HSST ngày 09/7/2021 buộc bị cáo L phải chấp hành là 08 N 09 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 31/01/2022.

Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 190; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Ma Văn N 05 N tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 31/3/2022. Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 190; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38; Điều 54 Bộ luật hình sự xử phạt Nguyễn Văn P 04 N tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo thi hành án, được trừ thời gian đã bị tạm giữ từ ngày 31/01/2022 đến ngày 09/02/2022.

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 190; điểm s, t khoản 1 Điều 51; Điều 54; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Đoàn Xuân H 42 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo thi hành án, được trừ thời gian đã bị tạm giữ từ ngày 31/01/2022 đến ngày 09/02/2022.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 191; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Lưu Văn V 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của các bị cáo phù hợp với bản án sơ thẩm và các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Do đó đủ cơ sở kết luận: Ngày 31/01/2022, Ma Văn N đã mua của người phụ nữ N khai tên Dân, ở tỉnh Quảng Trị với tổng số 92 hộp pháo, với giá 62.000.000 đồng, trong đó có 80 hộp loại 36 quả/hộp và 12 hộp loại 49 quả/hộp, với tổng khối lượng 131 kg, bán lại cho Nguyễn Văn L, với giá 72.500.000 đồng, hưởng lợi 10.500.000 đồng. Trong đó, Nguyễn Văn L mua hộ cho Đoàn Xuân H 20 hộp loại 36 quả/hộp và 12 hộp loại 49 quả/hộp, với tổng khối lượng 48,63kg và Nguyễn Văn P 30 hộp loại 36 quả/hộp, với tổng khối lượng 40,46kg và tự mình đặt mua của Ma Văn N nhằm mục đích bán lại kiếm lời là 30 hộp loại 36 quả/hộp với tổng khối lượng 41,91kg, tổng cộng 131 kg hưởng lợi 2.500.000 đồng. Đoàn Xuân H nhờ Nguyễn Văn L đặt mua của Ma Văn N để nhằm mục đích bán lại kiếm lời 20 hộp loại 36 quả/hộp và 12 hộp loại 49 quả/hộp, với tổng khối lượng 48,63kg với tổng số tiền 30.000.000 đồng, H đã trả cho L số tiền 26.000.000 đồng, còn thiếu 4.000.000, H chưa trả cho L. Nguyễn Văn P đã liên hệ nhờ Nguyễn Văn L đặt mua 30 hộp, loại 36 quả/hộp, tổng khối lượng là 40,46kg, với tổng số tiền 22.500.000 đồng để nhằm mục đích bán lại kiếm lời, P đã chuyển cho L số tiền 22.000.000 đồng, còn thiếu 500.000 đồng. Dương Văn Anh H trực tiếp đặt mua của Đoàn Xuân H 08 hộp, loại 36 quả/hộp, tổng khối lượng là 10,81kg, thành

tiền 6.400.000 đồng nhằm mục đích sử dụng, H đã chuyển tiền đầy đủ cho H. Nguyễn Đăng Vĩnh nhờ Lưu Văn V đặt mua 05 hộp pháo loại 36 quả/hộp, tổng khối lượng là 6,75kg với giá 5.000.000 đồng để nhằm mục đích sử dụng, Vĩnh đã chuyển đủ tiền cho Việt. Lưu Văn V tự đặt mua của Đoàn Xuân H 07 hộp pháo loại 36 quả/hộp với giá 4.900.000 đồng để nhằm mục đích sử dụng, cùng với việc nhận mua hộ Nguyễn Đăng V 05 hộp loại 36 quả/hộp, thành tổng số 12 hộp pháo với tổng khối lượng 16,26kg, tổng số tiền 9.900.000 đồng, Việt đã chuyển trả cho H 5.000.000 đồng, còn thiếu 4.900.000 đồng.

[2] Xét nội dung kháng cáo của các bị cáo thấy rằng:

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những vi phạm đến chế độ quản lý về vật liệu nổ của Nhà nước mà còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an xã hội, đe dọa nghiêm trọng đến sức khỏe và tính mạng của con người.

Đối với bị cáo Nguyễn Văn L là người khởi xướng và thực hành tích cực nên bị cáo giữ vai trò chính trong vụ án. Bản thân bị cáo đang có 01 tiền án và bị xử phạt 07 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Tàng trữ hàng cấm” đang trong thời gian thử thách lại tiếp tục phạm tội mới cho thấy bị cáo không ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội của mình. Vì vậy, cấp sơ thẩm tuyên xử bị cáo mức án 8 N 02 tháng tù về tội “Buôn bán hàng cấm” quy định tại điểm c khoản 3 Điều 190 Bộ luật Hình sự. Đồng thời tổng hợp với hình phạt của bản án trước đó của TAND huyện Cẩm X và xử bị cáo 8 N 9 tháng tù là có căn cứ, phù hợp với tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo. Mặc dù tại cấp phúc thẩm bị cáo có xuất trình giấy xác nhận của chính quyền địa P về việc bị cáo có thành tích trong phòng chống lũ lụt vào N 2020 nhưng với tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo xét thấy mức án mà cấp sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo là phù hợp nên cần giữ nguyên mức hình phạt như cấp sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo.

Đối với bị cáo Ma Văn N là người tham gia với vai trò giúp sức, thực hành, bị cáo đã mua bán với khối lượng 131 kg pháo nổ hưởng lợi 10.500.000 đồng và bị cấp sơ thẩm tuyên phạt 06 N tù về tội “Buôn bán hàng cấm” là có căn cứ. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo có xuất trình tình tiết xin giảm nhẹ mới là Biên lai nộp tiền phạt bổ sung 30.000.000 đồng, giấy xác nhận của Công an phường Quảng T về việc bị cáo có thành tích tổ giác tội phạm và đưa người bị tai nạn đi cấp cứu. Xét thấy, tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và có nhiều tình tiết giảm nhẹ. Vì vậy, cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo nhằm thể hiện sự khoan H của pháp luật và để bị cáo yên tâm cải tạo làm người có ích cho xã hội.

Đối với bị cáo Nguyễn Văn P là người tham gia với vai trò giúp sức, thực hành, mua bán 40,46kg pháo nổ. Tuy nhiên, xét thấy quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, tại cấp phúc thẩm bị cáo có xuất trình tình tiết mới là đơn trình bày hoàn cảnh khó khăn, bị cáo có thành tích trong phòng chống bão lũ N 2020, phòng chống Covid 19 có xác nhận của chính quyền địa P và biên lai đã nộp toàn bộ số tiền 20.200.000 đồng phí sơ thẩm và tiền phạt bổ

sung nên cần căn cứ điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt cũng đủ sức răn đe, giáo dục bị cáo.

Đối bị cáo với Đoàn Xuân H là người giúp sức, thực hành, với mục đích mua bán tổng khối lượng 48,63kg pháo nổ để bán lại kiếm lời. Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “Buôn bán hàng cấm” quy định tại khoản 2 Điều 190 Bộ luật Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, N 2016 được giám đốc Công an thành phố Hà Nội tặng Giấy khen vì đã có thành tích phát hiện, bắt giữ đối tượng Trộm cắp tài sản và tại cấp phúc thẩm bị cáo có xuất trình tình tiết mới là đơn xác nhận của chính quyền địa P xã Cẩm D về việc bị cáo có thành tích trong phòng chống bão lũ N 2020, biên lai thể hiện bị cáo đã nộp số tiền 200.000đồng án phí sơ thẩm và 20.000.000đồng tiền phạt bổ sung. Xét thấy, bị cáo có nơi cư trú ổn định, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, nên không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cần giảm nhẹ một phần hình phạt và áp dụng thêm Điều 65 BLHS sửa biện pháp chấp hình phạt tù cho bị cáo được hưởng án treo, tạo điều kiện để bị cáo được cải tạo, giáo dục tại địa P nơi bị cáo cư trú nhằm thể hiện sự khoan H và tính nhân đạo của pháp luật.

Đối với bị cáo Lưu Văn V là người tự đặt mua của Đoàn Xuân H 07 hộp pháo để nhằm mục đích sử dụng và mua hộ Nguyễn Đăng Vĩnh 05 hộp với tổng khối lượng 16,26kg pháo nổ. Xét thấy, hành vi của bị cáo không nhằm mục đích mua bán hàng cấm để hưởng lợi như đối với các bị cáo khác. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bản thân bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo có xuất trình tình tiết mới là đơn trình bày hoàn cảnh, xác nhận của chính quyền địa P về việc bị cáo có thành tích trong phòng chống bão lụt N 2020 và Biên lai thể hiện bị cáo đã nộp số tiền 200.000đồng án phí sơ thẩm và 10.000.000đồng tiền phạt bổ sung. Xét thấy, bị cáo có nơi cư trú ổn định, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, nên không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội cần áp dụng thêm Điều 65 BLHS giữ nguyên mức hình phạt, sửa biện pháp chấp hình phạt tù cho bị cáo được hưởng án treo nhằm thể hiện sự khoan H và tính nhân đạo của pháp luật.

Từ những phân tích trên, xét thấy cần giữ nguyên mức án như cấp sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo Nguyễn Văn L. Sửa bản án sơ thẩm về phần hình phạt đối với các bị cáo Ma Văn N, Nguyễn Văn P, Đoàn Xuân H và Lưu Văn V.

[3] Về án phí: Kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn L không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí HSPT; Các bị cáo Ma Văn N, Nguyễn Văn P, Đoàn Xuân H và Lưu Văn V kháng cáo được chấp nhận nên không phải chịu án phí HSPT.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự: Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn L; Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Ma Văn N, Đoàn Xuân H, Lưu Văn V;

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn P. Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 35/2022/HSST ngày 15-9-2022 của Tòa án nhân dân huyện Cẩm X, tỉnh Hà Tĩnh. Xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn L, Ma Văn N Nguyễn Văn P, Đoàn Xuân H phạm tội “*Buôn bán hàng cấm*”; bị cáo Lưu Văn V phạm tội “*Tàng trữ hàng cấm*”.

2. Về hình phạt:

- Áp dụng điểm c khoản 3 điều 190; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 BLHS, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L 08 N 02 tháng tù về tội “*Buôn bán hàng cấm*”;

Áp dụng khoản 2 điều 56 BLHS tổng hợp hình phạt 7 tháng tù cho hưởng án treo về tội “*Tàng trữ hàng cấm*” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 191 của Bộ luật hình sự, tại Bản án số 43/2021/HSST ngày 09/7/2021 buộc bị cáo Nguyễn Văn L phải chấp hành là **08 (tám) N 09 (chín)** tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ tạm giam 31/1/2022.

- Áp dụng điểm c khoản 3 điều 190; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54; Điều 17; Điều 58; Điều 38; Điều 54 Bộ luật hình sự BLHS, xử phạt bị cáo Ma Văn N **04 (N) N 09 (chín)** tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ tạm giam 31/3/2022.

- Áp dụng điểm g khoản 2 điều 190; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38; Điều 54 BLHS xử phạt: bị cáo Nguyễn Văn P **03 (ba) N 09 (chín)** tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án. Bị cáo được trừ thời gian đã bị tạm giữ từ ngày 31/01/2022 đến ngày 09/02/2022.

- Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 190 Bộ luật Hình sự; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, điều 54; Điều 17; Điều 58; Điều 38; Điều 65 BLHS, xử phạt bị cáo Đoàn Xuân H **36 (ba mươi sáu)** tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 60 tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 191 Bộ luật Hình sự điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38; Điều 65 BLHS, xử phạt bị cáo Lưu Văn V **09 (chín)** tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 18 tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao các bị cáo Đoàn Xuân H, Lưu Văn V cho UBND Xã Cẩm D, huyện Cẩm X, tỉnh Hà Tĩnh quản lý, giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp các bị cáo được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 68, khoản 3 Điều 92 Luật thi hành án hình sự 2019. Trong thời gian thử thách, bị cáo được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định tại Luật thi hành án hình sự từ hai lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án này. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt của bản án này và tổng hợp hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 Bộ luật hình sự.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án buộc bị cáo Nguyễn Văn L phải chịu án 200.000đồng án phí hình sự phúc thẩm. Các

bị cáo Nguyễn Văn P, Đoàn Xuân H, Lưu Văn V không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- TA, VKS, CA, THA cấp sơ thẩm;
- Sở tư pháp Hà Tĩnh;
- Phòng PV 06 CA tỉnh Hà Tĩnh;
- Bị cáo;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thương Huyền

